

Số: 04/2024/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 01 năm 2024
“V/v: Tranh chấp ly hôn và chia con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đoàn Văn Doan.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp ly hôn và chia con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu 1 thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn N 1, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới, chị về làm dâu nhà anh T và sinh sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến cuối năm 2018, chị và anh T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị có thai không làm được việc nên mẹ anh T cho rằng chị lười nhác không muốn làm việc và cho chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân cả chị và anh T không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau và cũng không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T, trong quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2023, anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, anh T xác định đúng như lời trình bày trên của chị N. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh T là do vợ chồng không hợp nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị N bỏ về nhà mẹ để sống từ khoảng tháng 6 năm 2018 nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị N xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thu Q, sinh ngày 18/12/2018 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T xác định, thời gian chị N mang thai và sinh cháu Q anh và chị N đã sống ly thân với nhau nên anh chưa thể xác định được cháu Q có phải là con của anh với chị N hay không. Tuy nhiên, tại thời điểm này anh không yêu cầu Tòa án xác định cha con với cháu Q, khi nào có điều kiện thì anh sẽ xác định sau. Về Giấy khai sinh của cháu Q ghi tên cha là (Nguyễn Xuân T), anh thừa nhận anh có biết việc đó và anh không có ý kiến thắc mắc gì về việc chị N ghi tên anh vào phần người cha trong Giấy khai sinh của cháu Q. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu Q cho chị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con cùng với chị N.

Về tài sản, đất canh tác; công nợ và công sức: Ly hôn, chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn, do vậy Kiểm sát viên không có kiến nghị hay khắc phục gì.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56; 58, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Giao cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thu Q, sinh ngày 18/12/2018 (Hiện cháu Q đang ở cùng chị N). Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, đất canh tác; công nợ và công sức: Do chị N và anh T ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Do chị N thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên chị N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Xuân T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N và anh T đều thừa nhận, chị N và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y. Hiện tại anh T đang sinh sống tại xã N, huyện Y. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Xuân T là bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nhưng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, phiên tòa hôm nay là phiên tòa thứ hai anh T vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Xuân T theo thủ tục chung.

- Quá trình giải quyết vụ án, chị N có nộp cho Tòa án 01 Giấy chứng nhận khuyết tật của anh Nguyễn Xuân T, xác định anh T bị tâm thần mức độ nặng. Tòa án đã giải thích, hướng dẫn để chị N thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh T là người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định nhưng chị N không yêu cầu. Theo hướng dẫn tại mục 6 phần III Công văn giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao, do vậy Tòa án tiến hành giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị N xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Căn cứ vào lời trình bày của chị N, anh T trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của chị N tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã N. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị N với anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã N nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị N và anh T thì giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày, chị N và anh T sống không hiểu nhau, thiếu sự quan tâm chia sẻ dẫn đến vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Anh T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai của mình, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn nên khi chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định, chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thu Q, sinh ngày 18/12/2018, hiện tại cháu Q đang ở với chị N. Anh T cho rằng do chị N mang thai và sinh con sau khi sống ly thân với anh nên anh chưa thể xác định cháu Q có phải là con chung của anh và chị N hay không. Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn của anh và chị N anh không yêu cầu Tòa án xác định cha con với cháu Q. Anh T thừa nhận, anh có biết việc chị N lấy tên người cha cháu Q là anh trong Giấy khai sinh nhưng anh không có ý kiến thắc mắc gì về việc đó. Hội đồng xét xử thấy rằng Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc xác định cha, mẹ như sau:

“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.”

Đối chiếu với quy định trên thì cháu Q được chị N mang thai và sinh ra trong thời kỳ chị N và anh T đang tồn tại hôn nhân, khi khai sinh cho cháu Q, phần ghi tên người cha của cháu Q là Nguyễn Xuân T. Anh T có biết việc này nhưng anh T không có ý kiến thắc mắc gì chứng tỏ anh T đã đồng ý việc chị N lấy tên, họ của anh là bố cháu Q. Hơn nữa, tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị N và anh T, chị N và anh T không ai có yêu cầu Tòa án xác định cha cho cháu Q. Do vậy, tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị N và anh T, Hội đồng xét xử xác định cháu Q là con chung của chị N và anh T. Khi nào chị N hoặc anh T có đơn yêu cầu Tòa án xác định cha cho cháu Q, thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác. Ly hôn chị N có nguyện vọng xin được nuôi cháu Q và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị N, anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Q cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản, đất canh tác; công nợ và công sức: Ly hôn chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Do chị N thuộc đối tượng là cận hộ nghèo nên chị N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu Q, sinh ngày 18/12/2018 cho chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị N và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh